

Xin khẳng định 1 lần nữa đây là tài liệu nhóm GV 11 của trường THPT Trường Chinh TPHCM làm trong hè. tài liệu còn rất nhiều sai sót vì làm khi chưa được tập huấn ra đề dạng tức 2 và 3. GV trong nhóm chỉ nghiên cứu đề minh họa 10 và làm theo. Tài liệu có file gốc riêng lẻ từ 3 giáo viên làm cùng (Cô Hồng Nhung, Cô Ngọc Hà, cô Thúy Nga)

Xin chia sẻ để GV địa chúng ta cùng tham khảo và góp ý.

file này được hoàn chỉnh và lưu 31/7/2024.

CÂU HỎI NHẬN DẠNG ĐÚNG SAI KHỎI 11

PHẦN MỘT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ XÃ HỘI THẾ GIỚI

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Vào tháng 7 hàng năm, Ngân hàng thế giới sẽ cập nhật phân loại các nước theo GNI / người, theo bản cập nhật năm 2022, nước có GNI / người năm 2021 từ 1085 USD trở xuống là nước có thu nhập thấp, trong khoảng 1086 USD - 4255 USD là nước có thu nhập trung bình thấp, trong khoảng 4256 USD đến 13 205 USD là nước có thu nhập trung bình cao, từ 13 205 USD là nước có thu nhập cao.

(Trích SGK – Kết nối tri thức, trang 5- NXB Giáo dục Việt Nam)

- Dựa vào tiêu chí GNI/ người có thể biết được trình độ phát triển kinh tế của 1 quốc gia. **Đ**
- Các nước có GNI/ người cao là những nước chất lượng cuộc sống cao. **S**
- Việt Nam là nước đang phát triển nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp. **Đ**
- GNI/ người phản ánh mức sống và năng xuất lao động của người dân trong một nước. **Đ**

Câu 2: Đọc bảng số liệu, chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Hình 1.1. Bản đồ HDI, GNI/người và cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới năm 2020

BẢNG 1.1. GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

Chỉ tiêu		GNI/ người (USD)	Cơ cấu GDP (%)				HDI
			Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	
Nhóm nước							
Phát triển	Đức	47 520	0,7	26,5	63,3	9,5	0,944
	Hoa Kỳ	64 140	0,9	18,4	80,1	0,6	0,920
	Nhật Bản	40 810	1,0	29,0	69,5	0,5	0,923
Đang phát triển	Bra-xin	7 800	5,9	17,7	62,8	13,6	0,758
	Cộng hoà Nam Phi	6 010	2,5	23,4	64,6	9,5	0,727
	Việt Nam	3 390	12,7	36,7	41,8	8,8	0,710

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc, 2022)

- Các đang nước phát triển có GNI/ người thấp. **Đ**
- Trong cơ cấu GDP nhóm các nước đang phát triển ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất. **S**
- Về chỉ số HDI hầu hết nước đang phát triển ở mức cao. **Đ**
- Cơ cấu ngành kinh tế thể hiện trình độ phát triển khoa học - công nghệ của nền sản xuất xã hội của 1 quốc gia. **S**

Câu 3: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“Về kinh tế: các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường tiên phong dẫn đầu trong

cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới như: Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức... ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học-công nghệ và trí thức cao.

Hầu hết các nước đang phát triển có quy mô GDP trung bình và thấp nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa với tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng. Một số nước đang phát triển bắt đầu chú trọng phát triển các lĩnh vực có hàm lượng khoa học-công nghệ và trí thức cao.”

(Trích SGK – Kết nối tri thức trang 7,8 – NXB giáo dục Việt Nam).

- a. Sự khác biệt lớn nhất giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển về kinh tế là quy mô GDP. **Đ**
- b. Về tốc độ tăng GDP nhóm các nước phát triển có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhóm các nước đang phát triển. **S**
- c. Trong cơ cấu GDP nhóm nước đang phát triển hiện nay ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất. **S**
- d. Ở nhóm nước phát triển hiện nay **đang** phát triển nền kinh tế tri thức dựa trên khoa học công nghệ và trí thức cao. **Đ**

Câu 4: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

...“**Về xã hội:** các nước phát triển có tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số thấp, cơ cấu dân số già dẫn đến thiếu hụt lao động và chi phí phúc lợi xã hội trong tương lai. Quá trình đô thị hóa sớm, tỷ lệ dân thành thị cao, cơ sở hạ tầng khá hiện đại và đồng bộ. Người dân có chất lượng cuộc sống, tuổi thọ trung bình của người dân cao và số năm đi học từ 25 tuổi trở lên cao. Các dịch vụ y tế giáo dục có chất lượng tốt...”

(Trích SGK – Kết nối tri thức trang 7,8 – NXB giáo dục Việt Nam).

- a. Nhóm nước phát triển có chỉ số HDI cao. **Đ**
- b. Khó khăn lớn nhất về xã hội ở nhóm nước phát triển hiện nay là thiếu lao động. **Đ**
- c. Về xã hội hầu hết các quốc gia thuộc nhóm nước phát triển đều có chỉ số hạnh phúc cao. **S**
- d. Để giải quyết vấn đề thiếu lao động nhóm nước phát triển khuyến khích dân nhập cư. **S**

Câu 5: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Các nước đang phát triển có tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số đang có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia còn cao. Phần lớn các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ và đang già hóa. Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, song tỷ lệ dân hình thị chưa cao. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, trung bình và thấp. Tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần. Các dịch vụ y tế, giáo dục đang dần được cải thiện.

- a. Sự khác biệt giữa nhóm đang nước phát triển và phát triển về xã hội là cơ cấu dân số già, tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp. **S**
- b. Quá trình đô thị của nhóm các nước đang phát triển diễn ra với có tốc nhanh, tỉ lệ dân thành thị rất cao. **S**
- c. Về xã hội 1 số các quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển có chỉ số hạnh phúc cao. **Đ**
- d. Để giải quyết vấn đề thiếu việc làm, xuất khẩu lao động là 1 trong những giải pháp ở nhóm nước đang phát. **Đ**

Câu 6: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. Toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực, mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi, những thành tựu của khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại. Toàn cầu hóa làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế.”

(Trích SGK – Cánh diều trang 10– NXB Đại học Sư phạm).

- a. Toàn cầu hóa tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức. **Đ**
- b. Các nước ứng dụng khoa học công nghệ và tri thức cao vào phát triển kinh tế, hướng tới phát triển xanh và bền vững. **Đ**
- c. Toàn cầu hóa làm cho các nước nghèo có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế. **S**
- d. Toàn cầu hóa làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống bị biến mất. **S**

Câu 7: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư dịch vụ giữa các quốc gia và giữa các khu vực với nhau. Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong các tổ chức khu vực. Khu vực hóa thúc đẩy quá trình mở cửa của thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn, là nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Tuy nhiên xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít vấn đề như tính tự chủ về kinh tế, vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực,...” (Trích SGK- CTST trang 17 NXB GD Việt Nam)

- a. Khu vực hóa kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. **Đ**
- b. Khu vực hóa hướng đến đảm bảo cùng nhau phát triển bền vững. **Đ**
- c. Mỗi quốc gia chỉ tham gia một tổ chức liên kết kinh tế khu vực. **S**
- d. Liên kết kinh tế khu vực để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường. **Đ**

Câu 8: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với các nước trên thế giới

Toàn cầu hóa kinh tế đặt ra nhiều vấn đề trong phát triển kinh tế của các nước như xây dựng thương hiệu sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp, hoàn thiện các thể chế để thích ứng với xu hướng hội nhập, nâng cao trình độ phát triển kinh tế. Các vấn đề xã hội và môi trường như trên là giàu nghèo, y tế, việc làm, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành mối quan tâm chung của các quốc gia.

(Trích SGK- CTST trang 16 NXB GD Việt Nam)

- a. Cơ cấu kinh tế các nước chuyển dịch theo hướng tăng CN xây dựng giảm NN và dịch vụ. **S**
- b. Toàn cầu hóa cơ hội để các nước mở cửa thu hút vốn đầu tư và khoa học công nghệ. **Đ**
- c. Trí tuệ nhân tạo đã thay thế con người trong quá trình sản xuất. **S**
- d. Kinh tế thế giới phát triển chất lượng cuộc sống tăng nhưng khoảng cách giàu nghèo càng tăng. **Đ**

Câu 9: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động. Hệ thống các công ty xuyên quốc gia đã có mặt ở nhiều nước tạo nên sự liên kết chặt chẽ góp phần làm cho quá trình toàn cầu hóa trở nên sâu sắc hơn.”

(Trích SGK – Cánh diều trang 10– NXB Đại học Sư phạm).

- a. Các công ty xuyên quốc gia là 1 trong những nhân tố thúc đẩy toàn cầu hóa. **Đ**
- b. Các công ty xuyên quốc gia chủ yếu tham gia lĩnh vực tài chính, công nghệ. **S**
- c. Các công ty xuyên quốc gia tham gia chuỗi liên kết chủ yếu ở các nước đang phát triển. **S**
- d. Các công ty xuyên quốc gia chi phối và kiểm soát hoạt động thương mại thế giới. **Đ**

Câu 10: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Hội nhập quốc tế đã đưa Việt Nam vào top 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới, xuất khẩu tiêu và quế đứng thứ 2 thế giới. Ngoài ra với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỷ USD vốn FDI năm 2021.”

(Trích SGK – Kết nối tri thức trang 11- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.)

- a. Việt Nam đã tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hóa. **Đ**
- b. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là nông sản. **S**
- c. Tình hình chính trị ổn định cũng là một lợi thế để Việt Nam thu hút nguồn vốn FDI cao. **Đ**
- d. Các bạn hàng lớn của Việt Nam chủ yếu là EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. **S**

Câu 11: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...APEC là một diễn đàn kinh tế mở cửa của các nền kinh tế nằm trong khu vực Châu Á -Thái Bình Dương. APEC có nhiệm vụ thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực, khuyến khích hợp tác kinh tế-kỹ thuật giữa các thành viên; điều chỉnh các quy định và tiêu chuẩn trên toàn khu vực; phối hợp trong xây dựng và triển khai các sáng kiến hành động dựa trên những chính sách, thỏa thuận đạt được trong khu vực.”

(Trích SGK- CTST trang 16 NXB GD Việt Nam)

- a. Việt Nam là thành viên của APEC từ năm 1998 . **Đ**
- b. Mục tiêu hoạt động của APEC là thúc đẩy tự do thương mại và đầu tư trong khu vực với các tổ chức kinh tế khác. **S**
- c. Các nước thành viên của APEC chủ yếu thuộc khu vực Châu Á. **S**
- d. APEC có nhiệm vụ nâng cao mức sống tạo công ăn việc làm cho người dân các nước thành viên. **Đ**

Câu 12: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...WTO có nhiệm vụ tổ chức diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương; giải quyết các tranh chấp thương mại; giám sát các chính sách thương mại của các quốc gia; thúc đẩy việc thực hiện những hiệp định và cam kết đạt được trong khuôn khổ WTO; hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo các nước đang phát triển; hợp tác với các tổ chức quốc tế khác liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.”

(Trích SGK- CTST trang 16 NXB GD Việt Nam)

- a. Việt Nam là thành viên chính thức của WTO năm 2006. **S**
- b. WTO hướng tới một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch. **Đ**
- c. Các thành viên của WTO được bảo hộ về giá cả cạnh tranh trong buôn bán quốc tế. **S**
- d. Hạn chế WTO tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu hàng hóa. **S**

Câu 13: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“Tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực là vấn đề toàn cầu và đang có xu hướng gia tăng. Năm 2020 trên toàn thế giới có 345 triệu người ở 82 quốc gia bị thiếu lương thực. Trong đó châu Phi là khu vực có tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực cao nhất trên thế giới và đang có xu hướng gia tăng nhanh nhất.”

- a. An ninh lương thực là sự đảm bảo đủ lương thực cung cấp cho người dân, đẩy lùi nạn đói và giảm sự phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu. **Đ**
- b. Chiến tranh, thiên tai dịch bệnh là nguyên nhân làm khủng hoảng an ninh lương thực thế giới. **Đ**
- c. Châu Phi do điều kiện tự nhiên không thuận lợi nên việc sản xuất lương thực khó khăn. **S**
- d. Sự gia tăng dân số nhanh làm cho tình trạng thiếu lương thực trên thế giới ngày càng trầm trọng. **S**

Câu 14: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Năm 1995, ủy hội sông Mê Công (MRC) được thành lập bao gồm các quốc gia thành viên là Cam-pu -chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Mục tiêu của ủy hội sông Mê Công là thúc đẩy các hợp tác quản lý, phát triển nước và các nguồn tài nguyên liên quan của lưu vực sông Mê Công nhằm khai thác hết tiềm năng, và mang lợi ích bền vững cho tất cả các nước trong khu vực là...”

- a. Các nước thành viên MRC nằm ở thượng nguồn sông Mê Công. **S**
- b. 80% diện tích đất nông nghiệp ở hạ nguồn sông Mê Công dùng để sản xuất lúa gạo. **Đ**
- c. Vai trò quan trọng nhất của sông Mê Công là bồi đắp phù sa hình thành các vùng đồng bằng ở hạ lưu sông. **S**
- d. Việc khai thác và sử dụng nguồn nước lưu vực sông Mê Công còn thiếu bền vững. **Đ**

Câu 15: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Thế giới vẫn phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch, trong khi đó, trữ lượng và sản lượng một số nguồn năng lượng hóa thạch có xu hướng giảm, đối mặt với nguy cơ cạn kiệt trong tương lai. Hầu hết các khu vực có vị trí chiến lược về năng lượng đặc biệt là dầu mỏ Tây Nam Á, Trung Á, Mỹ La Tinh, Bắc Phi, Biển Đông.. Là mục tiêu cạnh tranh sức ảnh hưởng của các cường quốc, làm cho vấn đề an ninh năng lượng trở nên phức tạp.”

Để giải quyết vấn đề an ninh năng lượng cần:

- a. Đẩy mạnh tiềm kiếm thăm dò khai thác triệt để các nguồn tài nguyên năng lượng. **S**
- b. Đầu tư công nghệ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới. **Đ**
- c. Ổn định chính trị, quản lý thị trường xuất khẩu dầu khí thế giới. **S**
- d. Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế, đàm phán, đối thoại hợp tác về vấn đề năng lượng. **Đ**

Câu 16: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Kinh tế tri thức bao gồm các hoạt động như chuyển giao, nghiên cứu công nghệ... để tạo nên nhiều của cải vật chất và nâng cao những giá trị tinh thần của con người. Đây là nền kinh

tế phát triển chủ yếu bởi sức mạnh của tri thức trong việc vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế.” (Trích SGK – Kết nối tri thức trang 21- NXB Giáo dục Việt Nam)

- a. Giáo dục có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị thức.. **Đ**
- b. Sở hữu trí tuệ là nguồn lực quan trọng trong nền kinh tế thị thức. **Đ**
- c. Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo thay thế hoàn toàn sức lao động của con người. **S**
- d. Trong nền kinh tế tri thức công nghiệp là ngành đóng góp nhiều nhất vào GDP. **S**

Câu 17: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“Tính đến năm 2020 trên thế giới có khoảng 80.000 công ty xuyên quốc gia với hơn 500.000 chi nhánh. Các công ty xuyên quốc gia chi phối và kiểm soát trên 80% thương mại thế giới, 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp ở nước ngoài, 9/10 kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ trên thế giới.” Các công ty xuyên quốc gia:

- a. Tác động mạnh mẽ đến việc hình thành và vận hành chuỗi cung ứng toàn cầu. **Đ**
- b. Khai thác tốt hơn các lợi thế so sánh của các nước đang phát triển. **Đ**
- c. Các nước đang phát triển bị cạnh tranh khốc liệt về thị trường. **S**
- d. Các công ty xuyên quốc gia chủ yếu tham gia lĩnh vực tài chính, công nghệ. **S**

Câu 18: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“Theo số liệu của liên hợp quốc, hiện có 138 quốc gia(trong đó có 95 nước đang phát triển) ban hành Luật An ninh mạng. Việt Nam đã ban hành Luật An ninh mạng năm 2018 để quy định về hoạt động và bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan.”

(Trích SGK KNTT trang 18 NXB Giáo dục Việt Nam)

- a. Sự bùng nổ công nghệ thông tin trở thành thách thức lớn về an ninh quốc gia. **Đ**
- b. Các cuộc tấn công vào hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông quốc gia chỉ gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. **S**
- c. Các cuộc tấn công mạng xuyên quốc gia có thể gây thiệt hại đến nền kinh tế toàn cầu. **Đ**
- d. Luật An ninh mạng từng quốc xây dựng riêng để đảm bảo bí mật, an toàn, an ninh quốc gia. **S**

Câu 19: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Hòa bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang. Bảo vệ hòa bình là gìn giữ cuộc sống xã hội bình yên, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.”

(Trích SGK CD trang 20 Nhà Xuất bản ĐH Sư Phạm)

- a. Hòa bình là khát vọng của toàn nhân loại. **Đ**
- b. Bảo vệ hòa bình là trách nhiệm của các nhà lãnh đạo đất nước. **S**
- c. Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hiệp quốc có nhiệm vụ chính bảo vệ hòa bình trên thế giới. **S**
- d. Biến đổi khí hậu cũng đe dọa hòa bình thế giới. **Đ**

Câu 20: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Khi thế giới vật lộn với tính cấp bách của biến đổi khí hậu, rừng chứng tỏ là điều cần thiết trong các chiến lược giảm thiểu và thích ứng. Tuy nhiên, việc thiếu dữ liệu chất lượng cao và nhất quán trong thông tin liên quan đến rừng làm tổn hại đến hiệu quả của việc giám sát và quản lý rừng, cũng như việc hoạch định chính sách tiếp theo cho hành động khí hậu.”

- a. Rừng có vai trò quan trọng tác động đến nhiều lĩnh vực trong đời sống con người. **Đ**
- b. Mất rừng là nguyên nhân chính gia tăng biến đổi khí hậu. **S**
- c. Sự phát triển CN làm gia tăng các hiện tượng cực đoan trên toàn cầu. **Đ**
- d. Diện tích rừng suy giảm ở Trung Phi, Đông Phi và một số nước Nam Á làm cho tỉ lệ đói nghèo cao. **S**

Câu 21: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Thế giới có tổng diện tích rừng là 4,06 tỷ ha chiếm 31% tổng diện tích đất liền. Diện tích này tương đương 0,52 ha mỗi người-mặc dù rừng không được phân bố đồng đều giữa các dân tộc trên thế giới hoặc về mặt địa lý. Miền nhiệt đới có tỉ lệ rừng lớn nhất thế giới (45%), tiếp theo là miền phương Bắc (27%), ôn đới (16%) và cận nhiệt đới (11%).”

Nguồn: <https://www.fao.org/home/en/>

- a. Tổng diện tích rừng lớn tuy nhiên phân bố không đều giữa các khu vực. **Đ**
- b. Miền nhiệt đới có diện tích rừng lớn nhất thế giới (45%) vì có diện tích lục địa rộng, lượng nhiệt và ẩm cao. **Đ**
- c. Ở nước ta diện tích rừng nguyên sinh có xu hướng ngày càng tăng. **S**
- d. Braxin là quốc gia có diện tích rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới. **S**

Câu 22: Đọc bảng số liệu, chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Bảng : Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 -2020

(Đơn vị: Tỷ USD)

Tiêu chí\ năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Xuất Khẩu	7 961,7	13 014,0	19 009,0	21 341,8	24 970,7	22 594,7
Nhập Khẩu	7 927,2	12 804,0	18 467,2	20 815,8	24 418,2	21 949,6

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 -2020 tăng liên tục. **S**
- b. Giá trị xuất khẩu hàng hóa luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu giai đoạn 2000 -2020. **Đ**
- c. Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới ngày càng tăng biểu hiện của toàn cầu hóa. **Đ**
- d. Hoạt động thương mại có tốc độ tăng trưởng cao giai đoạn 2000 -2020 tăng 560%. **S**

Câu 23: Đọc bảng số liệu, chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Bảng : Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, giá trị GDP toàn thế giới, giai đoạn 1990 -2020

(Đơn vị: Tỷ USD)

Tiêu chí\ năm	1990	2000	2010	2018	2020
Tổng trị giá XN khẩu	8 766,0	16 038,5	37 917,9	49 815,0	44 071,3
Giá trị GDP	22 779,9	33 830,8	66 596,0	86 413,0	84 906,8

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 1990 -2020 tăng liên tục. **S**
- b. Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới ngày càng tăng biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế về thương mại. **Đ**
- c. Sự ra đời của WTO làm cho nền kinh tế thế giới phát triển năng động hơn. **Đ**

d. Biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị GDP toàn thế giới giai đoạn 1990 -2020.

D

e. Tốc độ tăng trưởng của GDP luôn cao hơn tốc độ tăng xuất nhập khẩu. **S**

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1: Bảng số liệu: Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2020

(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí\ năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Xuất Khẩu	7 961,7	13 014,0	19 009,0	21 341,8	24 970,7	22 594,7
Nhập Khẩu	7 927,2	12 804,0	18 467,2	20 815,8	24 418,2	21 949 6
Tổng	15 888,9	25 818,0	37 576,2	42 157,6	49 388,9	44 644,3

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

Đáp án

Tính cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 -2020

Tiêu chí\ năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Xuất Khẩu %	50,1	50,4	50,6	50,6	50,6	50,6
Nhập Khẩu%	49,9	49,6	49,4	49,4	49,4	49,4
Tổng	100	100	100	100	100	100

Câu 2: Bảng : Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, giá trị GDP toàn thế giới, giai đoạn 1990 -2020

(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí\ năm	1990	2000	2010	2018	2020
Tổng trị giá XN khẩu	8 766,0	16 038,5	37 917,9	49 815,0	44 071,3
Giá trị GDP	22 779,9	33 830,8	66 596,0	86 413,0	84 906,8

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

Đáp án.

Tính tốc độ tăng trưởng của thương mại và tốc độ tăng trưởng của GDP 1990- 2020

Tiêu chí\ năm	1990	2000	2010	2018	2020
Tổng trị giá XN khẩu	100	183 %	387 %	658%	503%
Giá trị GDP	100	149%	292%	379%	373%

Câu 3: Năm 2000 tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đạt 1,4 tỉ USD, năm 2021 đã lên đến 1,6 000 tỉ USD. Vậy năm 2021 tổng vốn đầu tư nước ngoài so với năm 2000 gấp bao nhiêu lần= **1143 lần**.

Câu 4: Năm 2021 tổng GDP Ca- na đa là 1990, 8 tỉ USD, dân số 37 triệu người. tính GDP/ người Ca na đa năm 2021 (đơn vị : nghìn USD/ người / năm)

? = **53 805 USD/ người /năm = 5 381 nghìn USD/ người / năm**

Câu 5: Năm 2021 thế giới có khoảng 2,3 tỉ người bị đói thiếu dinh dưỡng, chiếm 29,3% dân số thế giới. Vậy dân số thế giới năm 2021 bao nhiêu tỉ người ? = **7,85 tỉ người**

Câu 6: Dân số thế giới năm 2020

Tổng	Nhóm 0-14 tuổi	Nhóm 15- 64 tuổi	Nhóm > 65 tuổi
7,795 tỉ người	25,4% = 1,98	65,3% = 5,09	9,3%= 0,74

(Nguồn Quỹ dân số Liên Hợp Quốc – 2021)

Tính số dân thế giới phân theo nhóm tuổi năm 2020? Đơn vị: tỉ người

Danso.org**Câu 7: Dân số thế giới năm 2020: Tính**

- Mật độ dân số TG, các khu vực.
- % dân số TG của các khu vực.
- Số dân thành thị của TG và các khu vực

Khu vực	Dân số (tỉ người)	Diện tích Km ²	Mật độ Người/Km ²	% thế giới	% ds thành thị	Số dân thành thị Tỉ người
Thế giới	7,795	130 075 488	52	100	56,2	4,379
Châu Á	4,641	31 033 131	150	59,5	49,3	2,288
Châu Phi	1,341	29 648 481	45	17,2	40,5	0,543
Châu Âu	0,748	22 134 900	34	9,6	74,5	0,557
Mỹ LaTinh và Cari bê	0,654	20 139 378	32	8,4	79,7	0,521
Bắc Mỹ	0,369	18 651 660	20	4,7	82,8	0,306
Châu Đại Dương	0,043	8 468 460	5	0,5	70,8	0,030

Câu 8: Đánh giá tài nguyên rừng toàn cầu 2020 (FRA 2020).<https://www.fao.org/home/en/>

Thế giới có tổng diện tích rừng là 4,06 tỷ ha chiếm 31% tổng diện tích đất liền. Diện tích này tương đương 0,52 ha mỗi người-mặc dù rừng không được phân bố đồng đều giữa các dân tộc trên thế giới hoặc về mặt địa lý. Miền nhiệt đới có tỉ lệ rừng lớn nhất thế giới (45%), tiếp theo là miền phương Bắc (27%), ôn đới (16%) và cận nhiệt đới(11%).

Tính diện tích rừng theo miền khí hậu.

- Miền nhiệt đới (45%) = **1,827 tỷ ha**
- miền phương Bắc (27%) = **1,096 tỷ ha**
- ôn đới (16%) = **0,695 tỷ ha**
- cận nhiệt đới(11%)= **0,447 tỷ ha**

Câu 9: Ngày nay, rừng chiếm khoảng 31% tổng diện tích đất của Trái đất, trải dài 4,06 tỷ ha. Trong ba thập kỷ qua, thế giới đã mất hơn 4% diện tích rừng, tương đương với 1/2 diện tích Ấn Độ (3.287.263 km2).

Tính diện tích rừng thế giới đã mất trong 3 thập kỷ qua.= **1 643 631,5 km2 = 1,64 triệu km2**

SOẠN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHẦN II, III THUỘC BÀI MỸ LA TINH, CHÂU ÂU VÀ ĐÔNG NAM Á.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Hiện nay, số dân ở Đông Nam Á vẫn tiếp tục tăng nhanh. Đến năm 2021, dân số thế giới đạt 620 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 1,5 %. Có nhiều nhân tố tác động đến sự gia tăng dân số ở Đông Nam Á, trong đó có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các quốc gia.

- a) Các nước Đông Nam Á hiện nay có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất thế giới. **S**
- b) Những nước đang phát triển có tỉ lệ sinh cao hơn các nước đang phát triển. **Đ**
- b) Gia tăng cơ học là nguyên nhân chính làm dân số Đông Nam Á tăng nhanh. **S**
- d) Điều kiện tự nhiên, môi trường sống, phong tục tập quán, y tế, giáo dục, đều có tác động đến sự gia tăng dân số mỗi quốc gia. **Đ**

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện và cơ cấu sản lượng điện của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2021
Tiêu chí			
Sản lượng điện (tỉ kWh)	91,7	157,9	244,9
Cơ cấu sản lượng điện (%)			
- Thủy điện	38,0	34,2	30,6
- Nhiệt điện	56,0	63,8	56,2
- Các nguồn điện khác	6,0	2,0	13,2

(Nguồn: NGTK Việt Nam năm 2022; Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2022)

- a) Sản lượng điện của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010 – 2021. **Đ**
- b) Cơ cấu sản lượng điện phân bố đồng đều giữa các nguồn năng lượng. **S**
- c) Sản lượng điện tăng liên tục do nhu cầu của sản xuất và đời sống. **Đ**
- d) Nhiệt điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện, trong đó điện từ than quan trọng nhất. **S**

Câu 3: Đọc thông tin sau

“...Lãnh thổ Mỹ La Tinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên khu vực này có nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau. Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo nằm ở quần đảo Ăng ti, đồng bằng La- nôt và đồng bằng Amazon với nhiệt độ nóng quanh năm và lượng mưa lớn, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và rừng...”

Trích: SGK Chân trời sáng tạo, trang 31, NXB GD Việt Nam.

- a. Đồng bằng Amazon chủ yếu thuộc đới khí hậu nhiệt gió mùa. **S**
- b. Hoang mạc Atacama là khu vực có khí hậu khô hạn nhất Mỹ La Tinh. **Đ**
- c. Rừng Amazon là rừng mưa nhiệt đới lớn nhất thế giới vì có đất đai rộng, lượng mưa và độ ẩm lớn. **Đ**

d. Lãnh thổ Mỹ La Tinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên nhiên thiên có sự phân hoá Bắc Nam. **D**

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại Huế

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ(⁰ C)	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,2	22,8	20,4
Lượng mưa(mm)	190,3	361,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

- a) Chế độ nhiệt tương đối điều hoà. **S**
- b) Hiện tượng hạn hán xảy ra vào đầu mùa đông. **S**
- c) Mùa mưa xảy ra vào thu. **D**
- d) Chế độ mưa chịu sự tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi. **D**

Câu 5. Cho bảng số liệu:

<div>Năm</div> <div>Tiêu chí</div>	2015	2018	2019	2020	Trị giá xuất
Trị giá xuất khẩu	11 432,0	16 704,0	18 110,0	16 806,0	
Trị giá nhập khẩu	16 844,0	19 355,0	18 607,0	17 947,0	

khẩu, nhập khẩu của Mi-an-ma giai đoạn 2015 – 2020 (Đơn vị: triệu USD)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu tăng liên tục trong giai đoạn 2015 – 2020. **S**
- b) Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn trị giá nhập khẩu. **S**
- c) Trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu. **D**
- d) Hoạt động thương mại Mi-an-ma ngày càng phát triển cán cân thương mại gần tiến tới cân bằng. **D**

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

<div>Năm</div> <div>Tiêu chí</div>	2010	2015	2020	2021
Trị giá xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	336,1
Trị giá nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	332,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu tăng chậm hơn trị giá nhập khẩu trong giai đoạn 2010-2021. **S**

- b) Hoạt động ngoại thương có sự thay đổi tích cực; từ nhập siêu, hiện nay Việt Nam đã trở thành nước xuất siêu. **S**
- c) Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021 là biểu đồ cột ghép. **D**
- d) Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2021. **D**

Câu 7. Cho bảng số liệu: 8.2 trang 35, Một số chỉ tiêu về mặt xã hội ở Mỹ La tinh giai đoạn 2000- 2020.

- a. Chỉ số HDI của khu vực Mỹ La Tinh thuộc mức trung bình trên thế giới. **S**
- b. Chỉ số GNI đầu người Mỹ La Tinh thuộc nhóm thu nhập cao. **S**
- c. Chỉ số HDI không có sự chênh lệch giữa các nước trong khu vực Mỹ La Tinh. **S**
- d. Các chỉ xã hội khá cao phản ảnh trình độ phát triển kinh tế khu vực Mỹ La Tinh thuộc nhóm nước đang phát triển. **D**

Câu 8. Cho bảng số liệu

GDP CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022 (TỈ USD)

Quốc gia	Thế giới	Nhật Bản	Đức	Anh
GDP	84993,8	5040,1	3846,4	2756,9

Theo bảng số liệu trên, những nhận định sau đây là đúng hay sai?

- a) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022. **S**
- b) GDP của Đức năm 2022 chiếm 15 % của thế giới. **S**
- c) GDP của Anh năm 2022 chiếm 3,24 % trên thế giới. **D**
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022. **D**

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

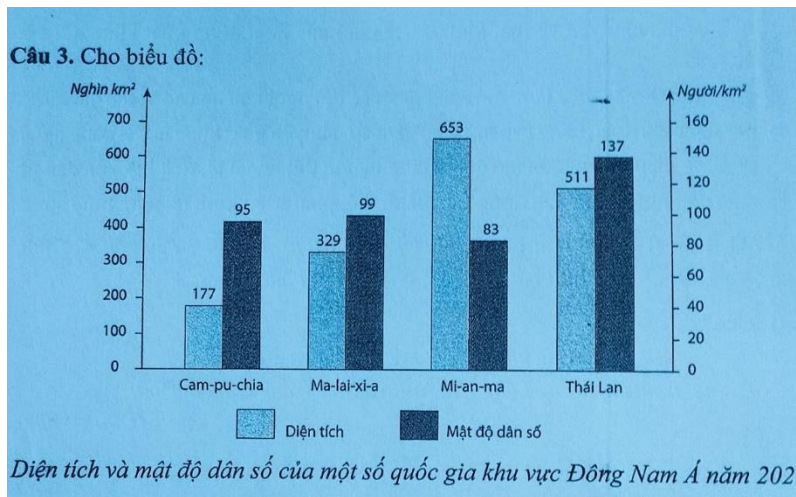
Quốc gia Tiêu chí	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Trị giá xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Trị giá nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: WB năm 2022)

- a) Ma-lai-xi-a có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên. **S**

- b) Thái Lan, Phi-lip-pin và Mi-an-ma là nước nhập siêu. **S**
- c) Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma là nước xuất siêu. **Đ**
- d) Thái Lan có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên. **Đ**

Câu 10. Cho biểu đồ



- a) Ma-lai-xi-a mà có diện tích lớn nhất các quốc gia kể trên. **S**
- b) Thái Lan có mật độ dân số cao nhất trong các quốc gia kể trên. **Đ**
- c) Ma-lai-xi-a có diện tích chỉ bằng 1/3 diện tích Mianma **S**
- d) Thái Lan có mật độ dân số gấp 2 lần mật độ dân số Cam-pu-chia. **S**

Câu 11. Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở khu vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

- a) Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí. **Đ**
- b) Khí thải từ việc đốt nhiên liệu và các hoá chất không làm ảnh hưởng đến môi trường. **S**
- c) Ứng dụng khoa học công nghệ tìm ra nguồn năng lượng mới giúp tiết kiệm tài nguyên giảm thiểu ô nhiễm môi trường. **Đ**
- d) Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các hoạt động kinh tế đang trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước. **Đ**

Câu 12: Trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, các nước Châu Mỹ Latinh đã tạo ra xu hướng tập trung dân số tại các đô thị khiến nhu cầu về nhà ở tăng lên nhanh chóng. Tại một số nước Châu Mỹ Latinh như Brazil, Argentina..., trong hơn một nửa thế kỷ trở lại đây, quá trình đô thị hoá tốc độ cao đã khiến cho hầu hết lượng dân số đổ dồn về thành phố. Dân số nghèo tại đô thị gia tăng đã tạo ra sự leo thang về giá cả nhà ở và đất đai, đồng thời cũng tạo nên những áp lực to lớn đối với việc xây dựng nhà ở tại đô thị. Trong những đô thị đông đúc này, dưới tác

động của những nhân tố khác nhau như dân số nghèo, giá nhà tăng cao... vấn đề thiếu thốn nhà ở trở thành “trọng bệnh” của đô thị.

Hệ quả của quá trình đô thị hoá là.

- a. ổn định việc làm, không gian cư trú rộng, thu nhập cao. **S**
- b. thất nghiệp đông, thu nhập thấp, giá nhà ở tại các đô thị leo thang. **Đ**
- c. Lao động chủ yếu là làm thuê, mức sống thấp, điều kiện sống thấp. **Đ**
- d. Tỷ lệ thiếu việc làm cao, dân trí thấp, thu nhập khá tốt. **S**

Câu 13: “Dịch vụ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các hoạt động kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường. Ngành này phát triển với tốc độ khá nhanh, tỉ trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu GDP của khu vực (năm 2020 là 49,7 %). Cơ cấu ngành dịch vụ ngày càng đa dạng. Hiện nay, nhiều nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ.”

(Trích SGK Cánh diều – NXB GD Việt Nam)

- a. Cơ sở hạ tầng dịch vụ các nước Đông Nam Á phát triển tốc độ thế giới. **S**
- b. Dịch vụ đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế của tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. **S**
- c. ĐNA là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế. **Đ**
- d. Một số thành phố là trung tâm dịch vụ hàng đầu của khu vực và thế giới: Xin-ga-po, Cu-a-la – lâm pơ, Băng Cốc... **Đ**

Câu 14:

Bảng 14. Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019

Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách (triệu lượt người)	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu (tỉ USD)	33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: UNWTO, 2007, 2016, 2020)

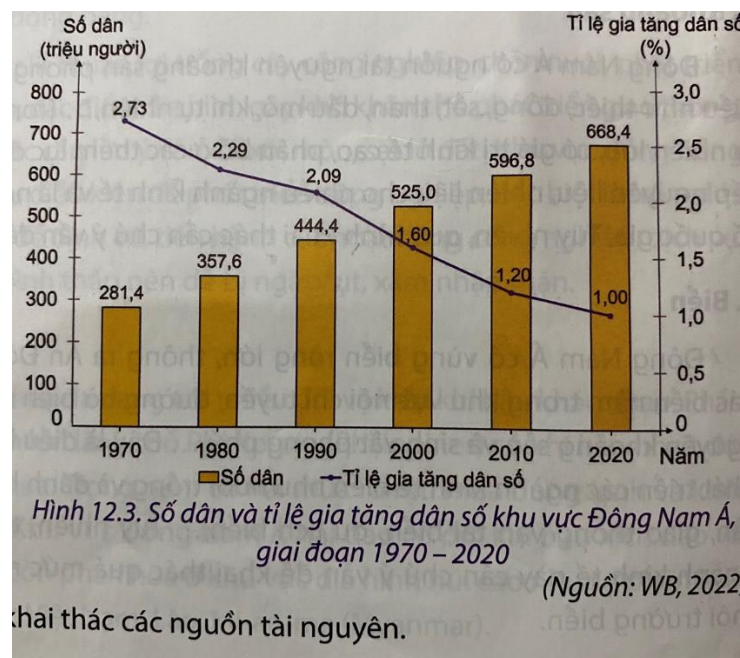
- a. Số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực ĐNA ngày càng tăng. **Đ**
- b. Doanh thu du lịch năm 2015-2019 tăng 38,5 tỉ USD. **S**
- c. Ngành du lịch đã và đang được đầu tư hiện đại hơn, đáp ứng tốt nhu cầu nghỉ dưỡng của khách hàng, đặc biệt là khách nước ngoài. **Đ**
- d. Biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực ĐNA giai đoạn 2015-2019. **S**

Câu 15:

Du lịch có vai trò ngày càng quan trọng ở Đông Nam Á. Số lượng khách du lịch và doanh thu du lịch ngày càng tăng. Năm 2021, ngành du lịch đóng góp hơn 393 tỉ USD vào GDP của khu vực. Đông Nam Á là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế và thu hút khoảng 10% tổng lượng khách du lịch toàn cầu.

- a. Đông Nam Á phát triển cả du lịch tự nhiên và du lịch văn hóa. **Đ**
- b. Đông nam Á có nhiều di sản được UNESCO ghi danh như: Vịnh Hạ Long, quần thể di tích đền Ăng-co... để thu hút khách du lịch. **Đ**
- c. Các quốc gia phát triển du lịch biển của khu vực Đông Nam Á như: Cam-pu-chia, Thái Lan, Việt Nam. **S**
- d. Du lịch Đông Nam Á đóng góp không đáng kể vào GDP ngành dịch vụ của khu vực. **S**

Câu 16:



- a. Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm và quy mô dân số có xu hướng giảm. **S**
- b. Quy mô dân số lớn, ĐNA có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn. **Đ**
- c. ĐNA có cơ cấu dân số trẻ, đang có xu hướng ngày càng già. **Đ**
- d. ĐNA có mật độ dân số cao và phân bố hợp lí thuận lợi cho việc sử dụng lao động và khai thác các nguồn tài nguyên. **S**

Câu 17: Đọc thông tin sau:

“...Đồng Ô-rô được chính thức đưa vào lưu hành năm 1999, đây là kết quả của sự nhất thể hoá EU. Việc đưa vào sử dụng đồng Ô - rô có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của thị trường Châu Âu, xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ, tạo thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh....”

Trích, SGK Chân Trời sáng tạo trang 47, NXB GD.

- a. Đồng Ô-rô là một trong những đồng tiền có ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới. **Đ**

- b. Đồng Ô-rô giúp nâng cao sức cạnh tranh của thị trường Châu Âu. **Đ**
- c. Tất cả các thành viên của EU đều sử dụng đồng tiền chung Ô – rô. **S**
- d. Sự ra đời của đồng Ô – rô thúc đẩy sự phát triển kinh tế giữa các quốc gia đồng thời tăng sự đoàn kết hoà bình trong khu vực Châu Âu. **S**

Câu 18: Cho đoạn thông tin sau:

“...EU là một tổ chức kinh tế khu vực có vị trí quan trọng trên thế giới. Mục tiêu của EU là thúc đẩy tự do lưu thông, tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt. Việc thúc đẩy thị trường chung châu Âu không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và cân bằng của khu vực, từ đó tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội của toàn bộ EU...”

Trích: <https://www.vietnamplus.vn/eu-tai-khang-dinh-cam-ket-thuc-day-thi-truong-chung-chau-au-post941061.vn>

- a. Mục đích của thiết lập thị trường chung là tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt. **Đ**
- b. EU là trung tâm kinh tế đứng thứ 1 thế giới. **S**
- c. Mặt hàng nhập khẩu của EU chủ yếu là hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị, khoáng sản. **S**
- d. EU đã thiết lập một thị trường chung với 4 mặt tự do lưu thông: hàng hoá, con người, dịch vụ và tiền vốn. **Đ**

Câu 19: Đọc đoạn thông tin sau.

“... Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và giải quyết các vấn đề của khu vực, như tham gia vào quá trình hình thành các liên kết kinh tế, quảng bá hình ảnh du lịch ASEAN như một điểm đến chung, thúc đẩy giáo dục về biến đổi khí hậu...”

Trích SGK Chân trời sáng tạo, trang 71. NXB GD

- a. Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN năm 1995. **Đ**
- b. Việt Nam chỉ tham gia hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực kinh tế. **S**
- c. Việt Nam cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nhân lực, chất lượng sản phẩm để có thể nâng cao vị trí trong ASEAN. **Đ**
- d. Là thành viên của ASEAN, Việt Nam sẽ có cơ hội tăng cường thu hút FDI cũng như mở rộng cơ hội đầu tư sang các nước ASEAN. **Đ**

Câu 20:

“... Dòng người nhập cư vào Châu Âu không chỉ là cơ hội kinh tế mà còn là thách thức về văn hoá. Hội nhập thành công là một quá trình nhiều mặt, không chỉ liên quan đến sự hoà nhập của người nhập cư vào thị trường lao động mà còn cả sự hoà nhập văn hoá và cách sống của họ vào xã hội Châu Âu.

Châu Âu vẫn phải đối mặt với những khó khăn đáng kể trong việc hoà nhập người nhập cư. Cơ cấu xã hội của các nước Châu Âu liên tục bị thách thức bởi sự hình thành các cộng đồng riêng biệt bị tách rời hoàn toàn khỏi đời sống của người dân bản địa.”

Trích: <https://vietnamnet.vn/nhung-thach-thuc-kep-ve-gia-hoa-va-nhap-cu-cua-chau-au>

- a. Châu Âu có nhiều chính sách khuyến khích dân nhập cư tự do. **S**
- b. Châu Âu đang đối mặt với già hoá dân số và thiếu lao động. **Đ**
- c. Dân nhập cư vào châu Âu góp phần đa dạng hoá nên văn hoá châu Âu. **Đ**
- d. Sự phân biệt đối xử kỳ thị dân tộc vẫn tiếp tục là rào cản lớn đối với người nhập cư đến Châu Âu. **Đ**

Câu 7: Cho bảng số liệu. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của khu vực Đông Nam Á, năm 2000 và 2020. (Đơn vị %)

Năm	Từ 0 -14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	31,8	63,3	4,9
2020	25,2	67,7	7,1

Nguồn: WB, 2020

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2022 tại Nam Định

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,4	24,9	17,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Nam Định năm 2020 là bao nhiêu °C. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C) (15,3)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch của khu vực Đông Nam Á năm 2005 và năm 2019

Năm	2005	2019
Tiêu chí		
Số lượt khách (triệu người)	49,3	138,5
Doanh thu du lịch (tỉ USD)	33,8	147,6

(Nguồn: WB năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết doanh thu từ khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu triệu USD so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu USD) (113,8 tỉ USD)

Câu 3. Năm 2020, tỉ suất sinh thô của Việt Nam là 16,1‰ và tỉ suất tử thô là 6,06 ‰. Tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %) (1,004 %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước và ngành vận tải đường bộ năm 2010 và năm 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

<div>Năm</div>	2010	2020
Tiêu chí		
Tổng số	800886,0	1 621 536,0
Trong đó: đường bộ	587 014,2	1 282 119,6

- (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022) Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2020 đã tăng bao nhiêu % so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %) **(118%)**

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và năm 2021

<div>Năm</div>	2010	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,5	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	40,0	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha). **(0,79 tấn /ha)**

Câu 6: Biết tổng GDP của Bra-xin năm 2021 là 1609 tỉ USD, tỉ trọng khu vực Công nghiệp, xây dựng trong cơ cấu GDP của Bra-xin chiếm 18,9%. Hãy cho biết giá trị khu vực Công nghiệp, xây dựng của Bra-xin năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

$$(1609 \times 18,9)/100 = \mathbf{304 \text{ tỉ USD}}$$

Câu 7: Cho bảng số liệu. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của khu vực Đông Nam Á, năm 2000 và 2020. (Đơn vị %)

Năm	Từ 0 -14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	31,8	63,3	4,9
2020	25,2	67,7	7,1

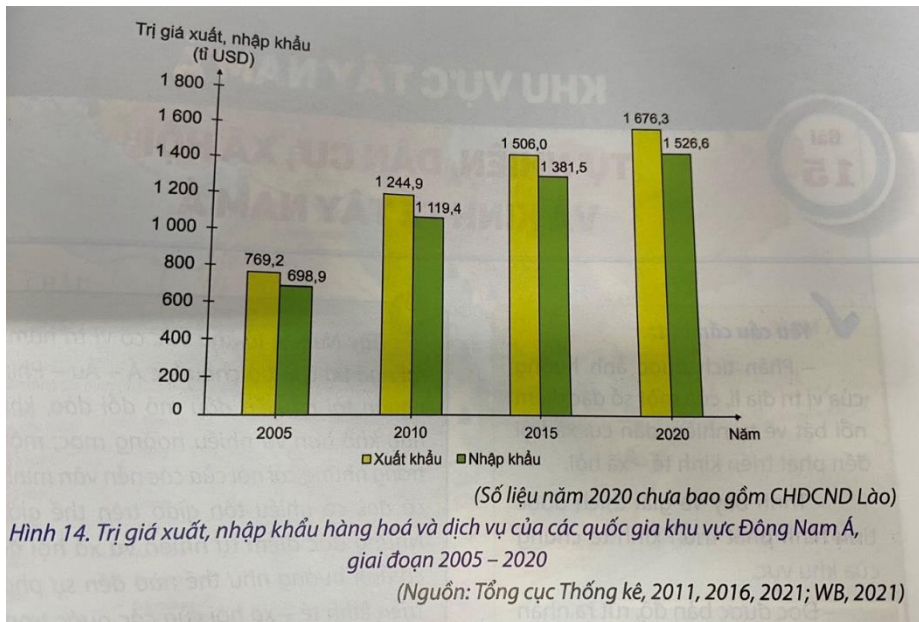
Nguồn: WB, 2020

Dựa vào bảng số liệu hãy cho sự thay đổi biết tỉ trọng theo nhóm tuổi từ 15 – 64 tuổi.

(4,4 %)

Câu 8: Dựa vào hình sau tính cán cân thương mại của khu vực Đông Nam Á, năm 2020.

Đơn vị: Tỉ USD



Đáp án: 150 tỉ USD

Câu 9: Cho bảng số liệu sau: Giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của EU, giao đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	5 865	6 382	8 670,6
Nhập khẩu	5 633	5 633	8016,6

Dựa vào BSL hãy tính cán cân xuất nhập khẩu năm 2021. Làm tròn đến hàng đơn vị. Đơn vị tỉ USD.

Đáp án: 654 tỉ USD

Câu 10: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1913,6	181,0	330,3	300,0
Dân số (triệu người)	268,4	16,5	32,8	108,1

(Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, tính mật độ dân số của một số của In-đô-nê-xi-a, năm 2021? Làm tròn đến hàng đơn vị.

Đáp án: 140 người /km²

**SOẠN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHẦN II, III THUỘC BÀI TÂY NAM Á
LIÊN BANG NGA HOA KỲ**

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Tây Nam Á là nơi khởi nguồn của nhiều tôn giáo chính đó là Do Thái giáo, Kito giáo và Hồi giáo. Hồi giáo là tôn giáo phổ biến trên toàn khu vực. Tây Nam Á là nơi xuất hiện cả nhiều nền

văn minh cổ đại, cũng là nơi có nhiều di sản vật thể và phi vật thể nổi tiếng thế giới được UNESCO công nhận như: thành cổ Pê-tra (giôoc-da-ni), Thành cổ Shi-men (Y-ê-men), thành phố di sản Sa-ma-ra (I-rắc). Khu vực có nhiều lễ hội, phong tục tập quán đặc sắc, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.”

(Trích SGK kết nối tri thức- trang 72- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Khu vực Tây Nam Á có nhiều quốc gia có nền văn minh cổ đại. **Đ**
- b. Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo đạo Do Thái . **S**
- c. Vườn treo Babylon là một trong Bảy kỳ quan thế giới cổ đại. **Đ**
- d. Tây Nam Á là điểm nóng của thế giới, nguyên nhân chính là do chiếm 50% trữ lượng dầu mỏ trên thế giới. **S**

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng trên 40% trữ lượng khí tự nhiên trên thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia quanh vịnh Péc-Xích. Ngoài ra Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, photphát...”

(Trích SGK kết nối tri thức- trang 69- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực không phụ thuộc vào việc khai thác, chế biến, xuất khẩu dầu mỏ. **S**
- b. Tây Nam Á là điểm nóng của thế giới do chiếm 50% trữ lượng dầu mỏ trên thế giới. **S**
- c. Trữ lượng dầu mỏ của Tây Nam Á phân bố đồng đều ở các quốc gia trong khu vực. **S**
- d. Dầu mỏ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp trong khu vực. **Đ**

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Dân cư Hoa Kỳ có nhiều nguồn gốc khác nhau. Các dòng nhập cư vào Hoa Kỳ bắt đầu từ khi phát kiến ra châu Mỹ (năm 1492). Từ năm 1790 đến năm 1994, có gần 64 triệu người nhập cư từ châu Âu, Mỹ La-tinh, châu Âu và châu Phi đến Hoa Kỳ. Năm 2015, trong tổng dân số của Hoa Kỳ có hơn 43 triệu người nhập cư và tăng lên đến khoảng 50 triệu người vào năm 2020.”

(Trích SGK Cánh Diều trang 78- Nhà XB Đại học Sư phạm)

- a. Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư. **Đ**
- b. Hiện nay thành phần dân cư nhiều nhất là người gốc Phi. **S**
- c. Dân nhập cư đông cung cấp cho Hoa Kỳ lực lượng lao động dồi dào, có trình độ. **Đ**
- d. Dân nhập cư ít tác động đến vấn đề văn hóa của Hoa Kỳ. **S**

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau.

“...Hoa Kỳ là quốc gia có diện tích rộng lớn, với khoảng 9,5 triệu Km². Hoa Kỳ nằm gần như ở bán cầu Tây. Phía bắc Hoa Kỳ giáp Ca-na-đa và phía nam giáp Mê-hi-cô. Bang A-la-xca (Alaska)

giáp với Ca-na-đa ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.”

(Trích SGK - Kết nối tri thức- trang 81- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Vị trí địa lí của Hoa Kỳ thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Thái Bình Dương. **S**
- b. Việc tiếp giáp với 2 đại dương lớn là TBD và ĐTD giúp Hoa Kỳ tránh được ảnh hưởng của 2 cuộc chiến tranh thế giới. **D**
- c. Lãnh thổ rộng lớn kéo dài trên nhiều vĩ độ làm cho thiên nhiên Hoa Kỳ đa dạng, có sự phân hóa sâu sắc. **D**
- d. Hoa Kỳ là đất nước ít bị ảnh hưởng của thiên tai. **S**

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Ngành công nghiệp đóng góp hơn 18% GDP của Hoa Kỳ (năm 2020). Đây là ngành quan trọng đối với việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp không ngừng tăng, từ hơn 3 300 tỉ USD (năm 2015) tăng lên hơn 3 800 USD (năm 2020).”

(Trích SGK – Chân trời sáng tạo- trang 94- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Các ngành CN truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay phát triển với tốc độ nhanh. **S**
- b. Ngành CN Hoa Kỳ phát triển mạnh nhờ vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ La Tinh. **S**
- c. Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng của Hoa Kỳ là ngành đứng hàng đầu thế giới. **D**
- d. Hiện nay hoạt động CN của Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng xuống phía Nam và sang phía Tây. **D**

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau. Ctst

“...Nông nghiệp chỉ chiếm 1% GDP của Hoa Kỳ nhưng đóng góp hơn 220 tỉ USD cho GDP Hoa Kỳ (năm 2020). Hoa Kỳ có diện tích đất nông nghiệp lớn, chiếm hơn 40% tổng diện tích tự nhiên. Đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu phân hóa đa dạng, tạo điều kiện cho Hoa Kỳ có thể phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi khác nhau.”

(Trích SGK – Chân trời sáng tạo- trang 96- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Hoa Kỳ là quốc gia có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới. **D**
- b. Lúa gạo và cây ăn quả nhiệt đới của Hoa Kỳ phân bố chủ yếu ở các bang vùng Đông Bắc. **S**
- c. Cơ cấu nông nghiệp Hoa Kỳ đang có xu hướng giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp. **D**
- d. Hình thức tổ chức NN của Hoa Kỳ chủ yếu là nông trường quốc doanh. **S**

Câu 7. Đọc bảng số liệu, chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới. (sách cánh diều)

Bảng 17.2. Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: %)

GDP	Năm	2000	2010	2019	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		1,2	1,0	0,9	1,1
Công nghiệp, xây dựng		22,5	19,3	18,2	18,4
Dịch vụ		72,8	76,3	77,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		3,5	3,4	3,6	0,4

(Nguồn: WB, 2022)

- a. Ngành N-L-TS của Hoa kỳ giai đoạn 2000-2020 tăng liên tục. **S**
- b. Ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP Hoa Kỳ. **D**
- c. Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của Hoa kỳ giai đoạn 2000-2020. **D**
- d. Tỉ trọng ngành công nghiệp giai đoạn 2000-2020 của Hoa Kỳ giảm 3,8% . **S**

Câu 8. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 17. Quy mô dân số và tỉ lệ dân thành thị và nông thôn ở Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 – 2020

Năm	2000	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ dân thành thị (%)	79,1	80,8	81,7	82,7
Tỉ lệ dân nông thôn (%)	20,9	19,2	18,3	17,3

(Nguồn: WB, 2022)

- a. Tổng số dân Hoa Kỳ liên tục tăng. **D**
- b. Tỉ lệ dân nông thôn giai đoạn 2000-2020 giảm 3,5%. **S**
- c. Tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ cao và phân bố đều giữa các vùng lãnh thổ. **S**
- d. Số dân thành thị Hoa Kỳ năm 2020 là 274 triệu người. **D**

Câu 9. Cho bsl

BẢNG 18.2. SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960 – 2020

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	186,7	229,5	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ tăng dân số (%)	1,6	0,94	1,14	0,88	0,59

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 1960-2020:

- a. Dân số Hoa Kỳ liên tục tăng và tăng rất nhanh. **Đ**
- b. Tốc độ tăng dân số Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 là 117,4 %. **Đ**
- c. Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh giai đoạn 1960-2020 là do gia tăng dân số tự nhiên. **S**
- d. Biểu đồ cột ghép là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số Hoa Kỳ giai đoạn 1960-2020. **S**

Câu 10. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Nằm ở phía bắc lục địa Á - Âu, với diện tích đất khoảng 17 triệu km², Liên bang Nga là quốc gia có diện tích lớn nhất thế giới. Lãnh thổ Liên bang Nga bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á. Quốc gia có đường biên giới trên đất liền khoảng 20 000 km và đường bờ biển gần 38 000 km.”

(Trích SGK – Chân trời sáng tạo- trang 101- NXB Giáo dục Việt Nam).

- a. Ranh giới tự nhiên để phân chia lãnh thổ châu Âu và châu Á trên lãnh thổ Liên Bang Nga là dãy U Ral. **Đ**
- b. Liên Bang Nga giáp với 2 đại dương lớn là Đại tây Dương và Thái Bình Dương. **S**
- c. Liên Bang Nga thuận lợi để giao lưu với các quốc gia Châu Âu, Châu Á, Bắc Phi, Châu Mỹ. **Đ**
- d. Liên Bang Nga có đường bờ biển dài, thuận lợi để xây dựng nhiều cảng biển quốc tế. **S**

Câu 11. Đọc đoạn thông tin sau

“...Với nguồn tài nguyên dồi dào, Liên bang Nga có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Nền kinh tế đã đạt được những thành tựu nổi bật, Liên bang Nga đang từng bước khẳng định vị trí, vai trò của mình trong nền kinh tế toàn cầu.”

- a. Công nghiệp Ngành đóng vai trò xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga. **Đ**
- b. Liên Bang Nga có diện tích đất nông nghiệp lớn, sản lượng nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới. **S**
- c. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của Liên bang Nga là Mát-xcơ-và và Xanh Pê-téc-bua. **Đ**
- d. Công nghiệp khai thác than là ngành mũi nhọn, sản lượng khai thác than của Liên bang Nga đứng đầu thế giới. **S (thứ 5-kntt)**

Câu 12. Đọc đoạn thông tin sau. Cảnh điều.

Liên bang Nga có dân đông thứ 9 trên thế giới (năm 2020). Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp, có giá trị âm trong nhiều năm. Tỉ lệ dân số ở nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng, tuổi thọ trung bình là 73 tuổi (năm 2020).

- a. LB Nga có cơ cấu dân số già. **Đ**
- b. Dân số LB Nga giảm là do gia tăng dân số tự nhiên có chỉ số âm và do di cư. **Đ**
- c. Vấn đề dân cư mà Nhà nước LB Nga quan tâm nhất hiện nay là mật độ dân số thấp. **S**
- d. Dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực phía Nam lãnh thổ. **S**

Câu 13. Cho bảng số liệu về GDP của LB Nga giai đoạn 1991 – 2020 (KNTT)

Năm	1991	2000	2004	2010	2020
GDP (tỉ USD)	475,5	259,7	582,4	1479,8	1483,5

- a. GDP của LB Nga giai đoạn 1991-2020 tăng liên tục. **S**
- b. Giá trị GDP của Liên Bang Nga tăng lên nhanh chóng, đặc biệt giai đoạn 2010 -2020. **Đ**
- c. Giai đoạn từ 1991-2000 GDP LB Nga giảm 120,8 tỉ USD. **S**
- d. Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của LB Nga từ 1991 – 2020. **Đ**

Câu 14. Đọc đoạn thông tin sau. cánh điều

“...Liên bang Nga là nước xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá lớn trên thế giới, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là: dầu thô và khí tự nhiên (hơn 50 % tổng kim ngạch xuất khẩu, năm 2020), kim loại quý, đá quý, gỗ, lúa mì,... Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: máy móc, dược phẩm, sản phẩm điện, chất dẻo,...Các đối tác thương mại chính là: Trung Quốc, Ấn Độ...”

- a. Liên Bang Nga là một trong những nước xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn trên thế giới và luôn xuất siêu. **Đ**
- b. Sản phẩm nhập khẩu của Liên Bang Nga là lúa mì, kim loại quý, gỗ... **S**
- c. Liên Bang Nga có nhiều cảng biển lớn thuận lợi cho ngoại thương phát triển. **S**
- d. Thị trường xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga rộng khắp: Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, I-ta-li-a, Đức...**Đ**

Câu 15. Đọc đoạn thông tin sau.

“...Liên bang Nga là quốc gia tập trung nhiều di sản tự nhiên và văn hoá thế giới được UNESCO công nhận như hồ Bai-can, thung lung Gây-sơ (Geysers), nhà thờ chính toà thánh Ba-si (Basil),... Vì vậy, ngành du lịch của quốc gia này phát triển, mang lại doanh thu lớn cho nền kinh tế. Năm 2020, Liên bang Nga đón khoảng 6,4 triệu lượt khách quốc tế đến và doanh thu du lịch quốc tế đạt gần 5 tỉ USD...”

Trích SGK Chân trời sáng tạo, trang 111, NXB GD

Việt Nam

- a. Liên Bang Nga có nhiều điều kiện để phát triển cả du lịch tự nhiên và nhân văn. **Đ**
- b. Du lịch quốc tế đóng vai trò quan trọng trong ngành du lịch. **Đ**
- c. Mát -xco-va và Tôm-xơ là hai trung tâm du lịch lớn nhất của LB Nga. **S**
- d. Liên Bang Nga rất phát triển du lịch biển và du lịch sinh thái. **S**

Câu 16. Cho bảng số liệu

BẢNG 22.1. SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU MỎ, KHÍ TỰ NHIÊN CỦA LIÊN BANG NGA
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Sản lượng \ Năm	2000	2010	2015	2020
Dầu mỏ (triệu tấn)	326,7	512,3	544,6	524,4
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	537,1	598,4	584,4	638,5

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, 2022)

Sản lượng khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên của Liên Bang Nga giai đoạn 2000-2020:

- Sản lượng khai thác dầu mỏ liên tục tăng. **S**
- Giai đoạn 2000-2020 sản lượng khai thác khí tự nhiên tăng 101,4 tỉ m³. **Đ**
- Sản lượng khai thác khí tự nhiên luôn cao hơn sản lượng khai thác dầu mỏ. **Đ**
- Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên của LB Nga giai đoạn 2000-2020. **S**

Câu 17. Đọc đoạn thông tin sau. ctst

Ngành ngoại thương của Hoa Kỳ phát triển, hàng hoá đa dạng, kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn (đạt 3 580 tỉ USD, năm 2020). Các sản phẩm xuất khẩu chính là các sản phẩm của ngành lọc hoá dầu, sản xuất ô tô, sản xuất linh kiện điện tử, nông sản có giá trị cao như đậu tương, ngô, thịt lợn, thịt bò,... Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Trung Quốc, Nhật Bản,... Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu hàng đầu thế giới, với giá trị nhập khẩu đạt 2240 tỉ USD (năm 2020), một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là ô tô, máy tính, dầu thô,...

Trích SGK Chân trời sáng tạo, trang 97, 98 NXB GD

Việt Nam

- Hoa Kỳ là cường quốc về ngoại thương. **Đ**
- Thị trường xuất khẩu chính của Hoa Kỳ là các quốc gia phát triển. **S**
- Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành nông nghiệp, nông sản... **Đ**
- Sự phát triển của thương mại điện tử góp phần to lớn vào việc đẩy mạnh hoạt động ngoại thương Hoa Kỳ. **S**

Câu 18. Đọc đoạn thông tin sau. knnt

Bảng 15.2. Tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới và khu vực Tây Nam Á,
giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: %)

Vùng lãnh thổ	2010	2015	2019	2020
Thế giới	4,5	3,0	2,6	-3,3
Khu vực Tây Nam Á	6,0	1,1	1,8	-6,3

(Nguồn: WB, 2022)

Tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới và khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2010 - 2020:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của TNA không ổn định. **D**
- Giai đoạn 2019-2020, tốc độ tăng GDP của Tây Nam Á giảm 7,1%. **S**
- Năm 2010 tốc độ tăng GDP của Tây Nam Á cao hơn thế giới 1,5%. **D**
- Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của Tây Nam Á so với thế giới giai đoạn 2010 – 2020. **S**

Câu 19. Đọc đoạn thông tin sau. ctst

Trong cơ cấu kinh tế các nước Tây Nam Á, chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Đây là những ngành có điều kiện để phát triển. Khu vực nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp. Ở một số quốc gia có nền nông nghiệp tiên tiến, sản xuất nông nghiệp được phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao.

Trích SGK Chân trời sáng tạo, trang 81 NXB GD

Việt Nam

- Sản xuất nông nghiệp khu vực TNA tương đối khó khăn do khí hậu khô hạn, diện tích đất canh tác ít. **D**
- Công nghiệp khai thác, chế biến và xuất khẩu dầu mỏ là động lực chính cho sự phát triển kinh tế. **D**
- Hoạt động GTVT đường biển của khu vực TNA chưa phát triển và ít nhộn nhịp. **S**
- Ô-man được xem là trung tâm thương mại, du lịch hàng đầu khu vực và thế giới. **S**

Câu 20.

Bảng 16. Trữ lượng dầu mỏ, tình hình khai thác và xuất khẩu dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

	Trữ lượng dầu đã được chứng minh ^(*) (tỉ tấn)	Lượng dầu thô khai thác (triệu tấn)		Lượng dầu thô xuất khẩu (triệu tấn)
Năm	2020	1970	2020	2020
Thế giới	244,4	2 358,9	4 165,1	2 108,6
Khu vực Tây Nam Á	113,2	693,3	1 297,3	874,9
I-ran	21,7	192,6	142,7	— (**)
I-rắc	19,6	76,3	202,0	178,8
Cô-oét	14,0	151,8	130,1	96,5
Ô-man	0,7	16,4	46,1	— (**)
Ca-ta	2,6	18,1	75,9	— (**)
A-rập Xê-út	40,9	192,2	519,6	349,1
Các tiểu Vương quốc A-rập Thống Nhất	13,0	37,8	165,6	142,7
Quốc gia khác trong khu vực	0,7	8,1	15,3	107,7

(Nguồn: BP, 2021)

Ghi chú: ^(*) Trữ lượng dầu đã được chứng minh (Proven reserves) là lượng dầu có xác suất thu hồi lớn hơn hoặc bằng 90%.

^(**) Không có số liệu.

Trữ lượng dầu mỏ, tình hình khai thác và xuất khẩu dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á:

- a. Lượng dầu thô khai thác khu vực TNA giai đoạn 1970-2020 tăng 604 triệu tấn. **D**
- b. Năm 2020 TNA chiếm gần 41,5% lượng dầu thô xuất khẩu trên thế giới. **D**
- c. I-rắc có lượng dầu thô khai thác năm 2020 lớn nhất khu vực Tây Nam Á. **S**
- d. Giai đoạn 1970-2020 tất cả các quốc gia trong khu vực TNA đều có sản lượng dầu thô khai thác tăng. **S**

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1.

Cho bảng số liệu về GDP của LB Nga giai đoạn 1991 – 2020 (KNTT)

Năm	1991	2000	2004	2010	2020
GDP (tỉ USD)	475,5	259,7	582,4	1479,8	1483,5

Tính tốc độ tăng trưởng GDP của LB Nga qua các năm, lấy năm 1991 làm mốc. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án:

Năm	1991	2000	2004	2010	2020
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	100	54.6	122	311	311

Câu 2. Bảng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020(ctst)

(đơn vị: tỉ USD)

Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781.9	901.1	1278.5	1502.5	1424.9
Nhập khẩu	1259,2	1732.7	1969.2	2315.3	2406.9
Tổng số	2041.2	2633.8	3247.7	3817.8	3831.8

Tính cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	38.3	34.2	39.4	39.4	37.2
Nhập khẩu	61.7	65.8	60.6	60.6	62.8
Tổng số	100	100	100	100	100

Câu 3. Biết dân số của LB Nga năm 2020 là 146 triệu người, diện tích là 17,5 triệu km². Em hãy tính mật độ dân số của LB Nga vào năm 2020.

$$146 : 17,5 = 8,34 \text{ người/km}^2$$

Câu 4. Cho bảng số liệu: (đáp án vượt quá 4 kí tự)

Quy mô dân số và GDP Hoa Kỳ giai đoạn 2010 -2020

Năm	2010	2015	2020
Dân số (triệu người)	309.3	320.7	331.5
GDP (tỉ USD)	15049.0	18206.0	20893.7

Em hãy tính thu nhập bình quân đầu người của Hoa Kỳ giai đoạn 2010 – 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Năm	2010	2015	2020
GDP BQ đầu người (triệu USD/người)	4865	5677	6303

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020

Đơn vị (tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781.9	901.1	1278.5	1502.5	1424.9
Nhập khẩu	1259.3	1732.7	1969.2	2315.3	2406.9

(Nguồn: WB, 2022)

Em hãy tính cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ trong giai đoạn 2000-2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	782	901	1279	1503	1425
Nhập khẩu	1259	1733	1969	2315	2407
Cán cân XNK	-477	-832	-691	-813	-982

Câu 6. Cho biết tổng GDP của toàn thế giới năm 2020 đạt 84,9 nghìn tỉ USD và Liên Bang Nga đạt 1483,5 tỉ USD. Hỏi GDP của Liên Bang Nga chiếm bao nhiêu % trong tổng GDP của thế giới? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị) .

$$1483,5 : (84,9 \times 1000) \times 100 = 1,8\%$$

Câu 7.

Cho biết diện tích tự nhiên của LB Nga là 17 triệu km² và diện tích rừng là 8,86 triệu km² (năm 2020), hãy tính tỷ lệ che phủ rừng của LB Nga vào năm 2020? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

8,86: 17 x 100 = 52%

Câu 8: Cho bảng số liệu

Số dân và tỉ lệ dân thành thị của LB Nga giai đoạn 1970-2020.

Năm	1970	2000	2020
Dân số (triệu người)	130	145	146
Tỉ lệ dân thành thị (%)	62.5	73.4	74.8

(Nguồn niên giám thống kê năm 2020, NXB thống kê VN, 2021)

Em hãy tính số dân thành thị của LB Nga giai đoạn 1970-2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Năm	1970	2000	2020
Dân số (triệu người)	130	145	146
Tỉ lệ dân thành thị (%)	62.5	73.4	74.8
Số dân thành thị (triệu người)	81.3	106	109

Câu 9. Cánh điều

Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng của Liên Bang Nga 2000-2020

(đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2020
Đánh bắt	4027.4	4075.8	5081.0
Nuôi trồng	77.1	121.0	219.2

Tính cơ cấu sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản LB Nga giai đoạn 2000-2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Năm	2000	2010	2020
Đánh bắt (%)	98	97	96
Nuôi trồng (%)	2	3	4

Câu 10. Biết tổng GDP của Hoa Kỳ năm 2020 là 20 nghìn tỉ USD, tỉ trọng khu vực Công nghiệp, xây dựng trong cơ cấu GDP của Trung Quốc chiếm 18,4%. Hãy cho biết giá trị khu vực Công nghiệp, xây dựng của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

(20 nghìn tỉ x 18,4)/100 = 3680 tỉ USD